

Số: 2370 /KH-UBND

Quảng Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 03/11/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, để triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho người nông dân trên toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu và nội dung Nghị quyết số 19 - NQ/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian trước mắt và lâu dài; xác định rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cần quan tâm tập trung lãnh chỉ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nội dung Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, mỗi địa phương, đơn vị cần xây dựng các chương trình, đề án, dự án cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị mình; tăng cường đầu tư về mọi mặt, đồng thời có những chính sách thích hợp hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; trong quá trình triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát,

kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- **Về nông nghiệp:** Duy trì tốc độ tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng gắn với đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 3,5-4%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5-6%/năm. Đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển các hình thức hợp tác và liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 68%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng.

- Về nông dân

+ Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề cho nông dân. Chuyển dịch một bộ phận lao động nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và du lịch nông thôn. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 18.000 lao động nông thôn.

+ Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm. Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5-3 lần so với năm 2020.

- Về nông thôn

+ Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.

+ Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn (giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế) đảm bảo đồng bộ, liên thông và thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, trong đó, phấn đấu 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 03 đơn

vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó phần đầu 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 65%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và người dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn với môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và thị trường tiêu thụ, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, có nhiều loại nông sản được xuất khẩu ra thị trường thế giới. Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia thực hiện và hưởng lợi các chính sách của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đổi mới, đa dạng hóa các nguồn cung cấp tín dụng, cơ chế, thủ tục để nông dân được tiếp cận với thủ tục giản đơn nhất. Đổi mới phương thức hỗ trợ cho nông dân, chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang gián tiếp, từ hỗ trợ cho không sang hỗ trợ cho vay lãi suất thấp, đặc biệt thực hiện hình thức đầu tư có thu hồi, quay vòng vốn.

Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ cho cư dân nông thôn; từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo. Đẩy mạnh phát triển ngành nghề, dịch vụ nông thôn; đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động sang làm việc ở khu vực công nghiệp, du lịch và dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; góp phần làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn.

Bảo đảm, nâng cao trình độ, năng lực làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Triển khai các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông

dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, chuyển đổi số, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỉ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng, khu kinh tế - quốc phòng, vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các xã có tỉ lệ hộ nghèo cao. Tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống.

Phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình, thôn (xóm, làng, ấp, bản) văn hoá.

2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa, tập trung có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trên cơ sở phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp tuần hoàn thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng theo từng vùng sinh thái có tiềm năng, lợi thế. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá các khâu sản xuất; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đến năm 2030, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 3,5-4%/năm (trong đó, nông nghiệp tăng 3,6%/năm, thủy sản tăng 4,8%/năm, lâm nghiệp tăng 3,7%/năm). Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông-lâm-thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết 12%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông-lâm-thủy sản được sản xuất theo các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương đạt khoảng 10%. Tỷ trọng chăn nuôi chiếm 55-

60% giá trị sản xuất nông nghiệp. Tổng sản lượng thủy sản đạt 122.000 tấn. Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận 25%.

Đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá trong tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp. Thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại có sự hợp tác, liên kết đầu tư vào nông nghiệp nhằm gắn kết chặt chẽ sản xuất với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ để nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất theo hướng hữu cơ; tập trung vào các đối tượng: lúa gạo, rau củ quả, cây dược liệu, cây ăn quả, bò thịt, gia cầm, tôm (mặn, lợ); bước đầu hình thành các vùng sản xuất hữu cơ tập trung: vùng trồng trọt hữu cơ, vùng chăn nuôi hữu cơ, vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ tại một số địa phương tiềm năng như Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch...

2.1. Theo loại hình sản xuất

Về trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn. Quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả; chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây trồng, vật nuôi có hiệu quả cao hơn. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, hữu cơ. Bố trí các vùng sản xuất tập trung lúa, ngô, sắn, lạc, rau quả các loại, cây ăn quả, cây dược liệu, cây cao su, cây hồ tiêu ở các vùng có địa hình và diện tích phù hợp, gần các nơi tiêu thụ hoặc chế biến.

Về chăn nuôi, phát triển chăn nuôi đại gia súc, tiểu gia súc, gia cầm và các đối tượng nuôi bản địa theo các vùng sinh thái (vùng gò đồi, vùng đồng bằng, vùng cát ven biển). Xây dựng hệ thống cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn. Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, phương thức công nghiệp; áp dụng các quy trình công nghệ hiện đại, chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học, đảm bảo an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; đối xử nhân đạo với vật nuôi. Phát triển các giống đặc sản tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, lợi thế cạnh tranh. Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hoá chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

Về thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, sinh thái; đánh giá và đề xuất việc thực hiện mô hình nuôi thủy sản bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững, phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia; kiên quyết khắc

phục tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ nghề cá; tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, ven bờ và khai thác nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái. Nuôi trồng thủy sản (NTTS) tại vùng nuôi tôm nước lợ ở các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, thị xã Ba Đồn; các vùng NTTS trên đất ven sông Nhật Lệ, Lý Hòa, Gianh, Roòn; Các vùng NTTS trên cát ven biển huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Quảng Trạch, thị xã Ba Đồn.

Về lâm nghiệp, tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển kinh tế rừng, đẩy mạnh xã hội hoá, phát triển thị trường cacbon, tăng nhanh diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ. Bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đặc biệt xung yếu. Rà soát, chuyển diện tích đất lâm nghiệp trên thực tế không có rừng sang đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản kết hợp với sản xuất lâm nghiệp phù hợp với quy hoạch. Phát triển công nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm gỗ phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu. Phân bố phát triển không gian rừng theo vùng: Vùng đầu nguồn sông Long Đại và các hồ lớn như Rào Đá, Cẩm Ly, An Mã, Thác Chuối (Khu vực vành đai phía Tây Nam tỉnh thuộc các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy); Vùng đầu nguồn sông Gianh và các hồ lớn (Khu vực vành đai rừng Tây Bắc tỉnh thuộc huyện Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa); Vùng đầu nguồn sông Roòn và các hồ lớn như hồ Sông Thai, Vực Tròn phía Bắc tỉnh (Khu vực vành đai rừng phía Đông Bắc tỉnh thuộc huyện Quảng Trạch).

Về diêm nghiệp, đầu tư nâng cấp hạ tầng, công nghệ, phát triển sản xuất, chế biến, đa dạng hoá sản phẩm muối; bảo đảm sinh kế, nâng cao thu nhập cho diêm dân.

2.2. Theo các vùng sinh thái

- *Vùng rừng núi (chủ yếu trên địa bàn vùng phía Tây của tỉnh)*: Thực hiện trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; phát triển mô hình nông, lâm kết hợp, trồng rừng gỗ lớn, trồng các loại cây bản địa có giá trị kinh tế cao, các loài lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, chăn nuôi dưới tán rừng... xây dựng vùng gỗ nguyên liệu.

- *Vùng gò đồi (chủ yếu trên địa bàn các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa)*: Bố trí lại vùng trồng cao su, trồng rừng theo hướng phát triển các loại cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu như dưa hấu, cỏ chăn nuôi, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu, sản nguyên liệu. Vùng đất đai cằn cỗi, độ dốc cao chuyển sang trồng thông Caribe; vùng có tầng đất canh tác dày trồng tiêu, keo; vùng xa, vùng sâu trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa; một số diện tích chuyển sang trồng lâm sản ngoài gỗ (song, mây, cây dược liệu...).

- *Vùng đồng bằng (chủ yếu trên địa bàn các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, thị xã Ba Đồn)*: có lợi thế để phát triển cả trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung. Đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa, mở rộng diện tích cánh đồng lớn đối với các loại cây trồng có thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh kết hợp đầu tư các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để nâng cao giá trị thu nhập và hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp trên đất lúa kém hiệu quả, hình thành các vùng sản xuất tập trung; phát triển chăn nuôi theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang tập trung, gia trại, trang trại.

- *Vùng cát ven biển (6 huyện, thị xã, thành phố ven biển)*: Phát triển rau màu theo hướng VietGAP; tập trung chăn nuôi gia trại, trang trại (gà, lợn, trâu, bò,...) kết hợp trồng cỏ chăn nuôi; đầu tư mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản thâm canh, nuôi theo công nghệ sinh học, phát triển dịch vụ giống, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh cho nuôi trồng thủy sản; tập trung quản lý, bảo vệ tốt các diện tích rừng phòng hộ ven biển.

3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản; gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo, khai thác tốt cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; khôi phục, củng cố, mở rộng các làng nghề, làng nghề truyền thống; Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống. Tập trung phát triển một số sản phẩm phục vụ du lịch, xuất khẩu có giá trị gia tăng cao.

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, nâng cao khả năng điều tiết, cân đối cung cầu, đảm bảo lưu thông hàng hóa thông suốt, cung cấp đầy đủ vật tư, mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, người sản xuất. Thu hút các thành phần kinh tế để nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thương mại ở nông thôn. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cung cấp các

loại hình dịch vụ; phát triển các dịch vụ mang tính hỗ trợ, logistics cho thương mại điện tử.

Tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và là một trong những khâu đột phá để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững. Thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tham gia vào phát triển du lịch. Định vị Quảng Bình là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất Việt Nam, trung tâm du lịch mạo hiểm của khu vực Châu Á gắn với những hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc: du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch hang động, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch thể thao, du lịch biển, nghỉ dưỡng,... Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là trung tâm du lịch tâm cổ quốc gia, quốc tế với hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao. Tập trung phát triển du lịch vào 04 cụm: Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; thành phố Đồng Hới và các khu vực du lịch biển phụ cận; Trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử và nghỉ dưỡng, trải nghiệm thiên nhiên phía nam tỉnh (trên địa bàn huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh); Khu vực phía Bắc tỉnh (trên địa bàn huyện Quảng Trạch, thị xã Ba Đồn, huyện Tuyên Hóa, huyện Minh Hóa) và Vũng Chùa - Đảo Yến.

4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Tiếp tục giữ vững và củng cố bộ máy triển khai thực hiện chương trình theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa; đồng thời nghiên cứu đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả tham mưu. Tập trung chỉ đạo theo từng nhóm xã:

** Đối với đơn vị cấp huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:* Tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo tiêu chí quy định hiện hành; đồng thời, xác định nội dung, giải pháp thực hiện, đảm bảo giữ vững và đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí trong tình hình mới.

** Đối với các xã đã đạt chuẩn:* Duy trì, giữ chuẩn, nâng chuẩn, xây dựng kế hoạch phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

** Đối với xã phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, xã đăng ký hoàn thành nông thôn mới các năm tiếp theo:* Chủ động huy động nguồn lực, tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, tiêu chí; đặc biệt là các tiêu chí chưa đạt; ưu tiên các nội dung dễ làm, cần ít vốn để chỉ đạo thực hiện.

Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề.

Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP). Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị; đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá kết cấu hạ tầng giao thông, chuyên đổi số. Nâng cao chất lượng văn hoá, giáo dục, y tế; xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao, bài trừ tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và an ninh nông thôn. Cung cấp nước sạch theo quy chuẩn; nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình thuỷ lợi, phòng, chống thiên tai, đê sông, đê biển, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Quyết liệt xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa. Tăng đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Áp dụng chính sách đủ mạnh để khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Thường xuyên thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới đảm bảo đồng bộ, khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Phát triển mạnh khoa học, công nghệ; đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp theo lộ trình, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự là đột phá chiến lược; động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. ✓

Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ nhằm nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ. Tập trung đầu tư, hỗ trợ công tác nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lai tạo, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp, HTX đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản, chế biến nông sản; công nghệ sinh học, công nghệ thông tin. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số.

Hỗ trợ thành lập các trung tâm, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề trong nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trong quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, chống chặt phá, khai thác lâm sản trái phép, lấn chiếm đất rừng, làm suy giảm chất lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản; bảo tồn đa dạng sinh học.

Hướng dẫn người dân và doanh nghiệp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

Thực hiện tốt công tác dự báo khí tượng, thủy văn, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu; chủ động phòng, chống thiên tai, xác định các vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai; xây dựng kịch bản ứng phó, sử dụng đồng bộ, hiệu quả các biện

pháp phòng chống thiên tai; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong việc tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

Chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, chủ động tìm kiếm thị trường mới, chủ động khai thác hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết (như EVFTA, AEC, RCEP, CPTPP, UKVFTA, Hiệp định thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc...) để thúc đẩy xuất khẩu nông sản của tỉnh. Giữ ổn định các thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch. Làm tốt công tác truyền thông, kịp thời cung cấp thông tin về các cam kết quốc tế và sự thay đổi chính sách của các thị trường nhập khẩu. Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tạo điều kiện để Hội Nông dân trực tiếp thực hiện, phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn theo tinh thần Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về “Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020”. Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức cộng đồng dân cư tiếp tục xây dựng tổ chức vững mạnh, đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên, nông dân; vận động thành viên, hội viên, quần chúng nhân dân tích cực giám sát, phản biện xã hội về các chủ trương,

chính sách, chương trình, dự án liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, phối hợp với các ngành chức năng liên quan có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch này; định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp triển khai thực hiện.

2. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của mình; phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách chỉ đạo thực hiện công tác này; định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/11*) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh, đồng thời gửi cơ quan thường trực là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan tham mưu huy động các nguồn lực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, cơ chế chính sách để hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

4. Các cơ quan thông tin truyền thông: Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, thành phố, thị xã, đài truyền thanh cơ sở thường xuyên có chuyên mục tuyên truyền, giải thích sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 03/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới toàn thể tầng lớp nhân dân.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ban, ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 03/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm
Đoàn Ngọc Lâm